

Số: /KH- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường học trên địa bàn tỉnh năm 2025

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 22/2024/TTBGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TTBGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TTBGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 166/TTr-SGDĐT ngày 17/01/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) và công nhận đạt chuẩn quốc gia (CQG) đối với các trường học trên địa bàn tỉnh năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định cơ sở giáo dục đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục.

- Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các cơ sở giáo dục nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cơ sở giáo dục không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả trong giáo dục.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia phải xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục;

được thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tiễn, gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cơ sở giáo dục và đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu chung

- Huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ số, công nghệ thông tin; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo;

- Bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

- Hoàn thành các chỉ tiêu về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, đến hết năm 2025, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia từ 86,9% trở lên.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% các cơ sở giáo dục thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia trong năm 2025 đối với 399 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của 26 huyện, thị xã, thành phố. Trong đó bao gồm: 127 trường mầm non, 114 trường tiểu học, 143 trường trung học cơ sở (bao gồm trường trung học cơ sở; trường tiểu học & trung học cơ sở), 15 trường trung học phổ thông (bao gồm trường trung học phổ thông; trường trung học cơ sở & trung học phổ thông; trường tiểu học, trung học cơ sở & trung học phổ thông).

3. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện	Tổng số cơ sở giáo dục được KĐCLGD và công nhận đạt CQG				
	Tổng số	Chia ra			
		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
Tháng 2 năm 2025	21	4	10	7	0
Tháng 3 năm 2025	18	5	4	9	0
Tháng 4 năm 2025	6	5	1	0	0
Tháng 5 năm 2025	30	13	15	2	0
Tháng 6 năm 2025	39	16	10	13	0

Tháng 7 năm 2025	13	5	5	3	0
Tháng 8 năm 2025	45	16	12	16	1
Tháng 9 năm 2025	21	10	7	4	0
Tháng 10 năm 2025	64	15	15	32	2
Tháng 11 năm 2025	96	16	28	46	6
Tháng 12 năm 2025	46	22	7	11	6
Tổng cộng	399	127	114	143	15

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội đối với công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG; gắn việc thực hiện nhiệm vụ KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG với việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của các địa phương và nâng cao chất lượng giáo dục của các nhà trường.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và triển khai thực hiện

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ban, ngành, tổ chức đoàn thể đối với công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG; đưa việc KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG là nhiệm vụ thường xuyên hằng năm của địa phương để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc thực hiện KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG. Gắn kết chặt chẽ công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt CQG với việc thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện rà soát các điều kiện, tiêu chuẩn đối với các cơ sở giáo dục đảm bảo để công nhận đạt KĐCLGD và đạt CQG đúng thời hạn, tránh tình trạng quá hạn công nhận, phần đầu không còn cơ sở giáo dục quá hạn đạt KĐCLGD và đạt CQG.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện hoạt động tự đánh giá đúng quy trình; các cơ sở giáo dục đã được công nhận đạt KĐCLGD và công nhận đạt CQG tiếp tục thực hiện các giải pháp cải tiến, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng cho các cơ quan quản lý theo quy định; củng cố hồ sơ, cập nhật thông tin minh chứng, chuẩn bị các điều kiện cho tự đánh giá chu kỳ tiếp theo.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ công tác KĐCLGD cho đội ngũ cốt cán ngành giáo dục và các đơn vị có liên quan, đáp ứng yêu cầu công tác KĐCLGD và CQG theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Rà soát tiêu chuẩn, củng cố đội ngũ các thành viên tham gia đoàn đánh giá ngoài đã hoặc đang công tác trong ngành Giáo dục; các thành viên thuộc các sở, ban, ngành có liên quan đảm bảo theo quy định. Cử cán bộ tham dự đầy đủ các đợt tập huấn về công tác KĐCLGD do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; bố trí nhân lực tham gia các đoàn đánh giá ngoài đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định để thực hiện nhiệm vụ KĐCLGD và công nhận trường đạt CQG.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của nhà trường. Tăng cường củng cố bộ máy tổ chức trong nhà trường theo Điều lệ trường học; chú trọng việc xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong trường học; xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp trong hệ thống chính trị của nhà trường, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và trình độ lý luận chính trị. Bố trí giáo viên các bộ môn đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm chuẩn đào tạo và chất lượng, phù hợp với tình hình của từng địa phương đồng thời đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán đóng vai trò nòng cốt trong việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Chú trọng việc rèn luyện, giữ gìn và nâng cao phẩm chất đạo đức trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các nhà trường.

- Thực hiện đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đúng thực chất làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời cơ chế, chính sách, chế độ cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và người lao động trong trường học.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực của học sinh. Thực hiện tốt yêu cầu và lộ trình đổi mới chương trình giáo dục đối với từng cấp học theo quy định; triển khai các dự án, đề án về đổi mới phương pháp dạy học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khai thác, sử dụng triệt để và có hiệu quả các trang thiết bị dạy học được trang bị, các đồ dùng dạy học tự làm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

- Mở rộng quy mô tổ chức dạy học 2 buổi/ngày có hiệu quả. Đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém; nâng cao tỷ lệ học sinh được đánh giá kết quả học tập và rèn luyện tốt, khá; giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học.

5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, công tác xã hội hoá giáo dục

Đầu tư hoàn chỉnh điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các trường có trong danh mục đạt KĐCLGD và đạt CQG theo hướng đáp ứng các tiêu chí kiểm định chất lượng bám sát các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; nhằm đáp ứng với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời hoàn thành tiêu chí cơ sở vật chất đối với việc xây dựng trường học chuẩn quốc gia trong giai đoạn hiện nay, trong đó tập trung chủ yếu:

- Bảo đảm diện tích mặt bằng, thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý chủ quyền sử dụng đất; xây dựng đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng, đầu tư các trang thiết bị dạy học đúng chuẩn quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng, sửa chữa, duy tu hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; xây dựng môi trường trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh, từ đó thực hiện tốt sự gắn kết chặt chẽ mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương đầu tư phát triển giáo dục, xây dựng phong trào xã hội học tập, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng tốt môi trường giáo dục.

- Phát huy sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, nhân dân quan tâm, đầu tư, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Tăng cường thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính, tài sản, chất lượng giáo dục và đào tạo.

6. Kinh phí đảm bảo

- Kinh phí thực hiện kế hoạch từ các nguồn: Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới; nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho tỉnh; nguồn ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách xã theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí đảm bảo chi cho hoạt động KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 56/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động KĐCLGD đối với cơ sở giáo dục thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện công tác KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với từng cơ sở giáo dục, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật và lộ trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông triển khai công tác tự đánh giá và xây dựng trường đạt CQG theo quy định.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác KĐCLGD và công nhận đạt CQG.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch. Ban hành và tham mưu ban hành kịp thời, đúng quy định các Quyết định công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia. Tổ chức sơ kết, tổng kết về KĐCLGD và công nhận đạt CQG; báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra.

2. Sở Tài chính

Căn cứ trên khả năng ngân sách, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh trong Kế hoạch.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cân đối biên chế để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch biên chế cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục hàng năm đảm bảo thực hiện tốt Kế hoạch.

4. Các sở: Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, triển khai Kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Chỉ đạo tổ chức đoàn thể các cấp tăng cường tuyên truyền đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân hỗ trợ ngành Giáo dục đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong công tác xây dựng trường đạt KĐCLGD và đạt CQG.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai thực hiện Kế hoạch KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; có kế hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục thực hiện việc xây dựng đạt CQG đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đảm bảo theo thời gian đã đăng ký.

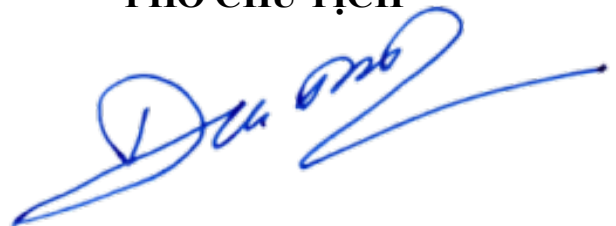
- Hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết về công tác KĐCLGD và công nhận đạt CQG, báo cáo kết quả với Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; báo cáo định kỳ kết quả thực hiện vào ngày 15 của tháng cuối quý, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường học trên địa bàn tỉnh năm 2025; trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận :

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục**DANH SÁCH**

**Các trường đăng ký đánh giá ngoài để công nhận đạt kiểm định
chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia năm 2025**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Thời điểm đăng ký	Thứ tự theo tháng	Huyện, thị xã, thành phố	Trường	Ghi chú
1.	Tháng 2	1.	Thịệu Hoá	Mầm non Thịệu Phúc	
2.		2.	Thịệu Hoá	Mầm non Thịệu Vận	
3.		3.	Như Xuân	Mầm non Xuân Bình	
4.		4.	Như Xuân	Mầm non Thanh Quân	
5.		5.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Đông Hải 1	
6.		6.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Hoàng Hoa Thám	
7.		7.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Quảng Phú	
8.		8.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Trần Phú	
9.		9.	Thịệu Hoá	Tiểu học Thịệu Trung	
10.		10.	Thịệu Hoá	Tiểu học Thịệu Tiến	
11.		11.	Thịệu Hoá	Tiểu học Thịệu Long	
12.		12.	Thịệu Hoá	Tiểu học Thịệu Hợp	
13.		13.	Yên Định	Tiểu học Thị trấn Quán Lào	
14.		14.	Như Xuân	Tiểu học Xuân Bình	
15.		15.	Thịệu Hoá	THCS Thịệu Tiến	
16.		16.	Yên Định	THCS Định Công	
17.		17.	Yên Định	THCS Định Thành	
18.		18.	Yên Định	THCS Yên Thọ	
19.		19.	Ngọc Lặc	THCS Ngọc Liên	
20.		20.	Ngọc Lặc	THCS Ngọc Sơn	
21.		21.	Như Xuân	PTDTNT THCS Như Xuân	
22.	Tháng 3	1.	Hoảng Hoá	Mầm non Hoảng Tiến	
23.		2.	Hoảng Hoá	Mầm non Hoảng Ngọc	
24.		3.	Nông Công	Mầm non Trường Trung	
25.		4.	Nông Công	Mầm non Thăng Thọ	
26.		5.	Vĩnh Lộc	Mầm non Vĩnh Hưng	
27.		6.	TP Sầm Sơn	Tiểu học Darwin	
28.		7.	Quảng Xương	Tiểu học Quảng Yên	
29.		8.	Quảng Xương	Tiểu học Quảng Đức	
30.		9.	Quan Sơn	Tiểu học Mừng Mìn	
31.		10.	Quảng Xương	THCS Quảng Trạch	
32.		11.	Quảng Xương	THCS Quảng Hòa	
33.		12.	Quảng Xương	THCS Quảng Thái	
34.		13.	Quảng Xương	THCS Quảng Lộc	
35.		14.	Hoảng Hoá	THCS Hoảng Phụ	
36.		15.	Nông Công	THCS Trung Thành	
37.		16.	Nông Công	THCS Tế Nông	
38.		17.	Nông Công	THCS Tân Thọ	
39.		18.	Vĩnh Lộc	TH&THCS Vĩnh Khang	

40.	Tháng 4	1.	TP Thanh Hóa	Mầm non Hoa Hướng Dương	
41.		2.	TP Thanh Hóa	Mầm non Vietkisd	
42.		3.	TP Thanh Hóa	Mầm non Sakura	
43.		4.	TP Thanh Hóa	Mầm non Vườn Hồng	
44.		5.	Thọ Xuân	Mầm non Thọ Xương	
45.		6.	Bá Thước	Tiểu học Thị Trần Cảnh Nàng	
46.	Tháng 5	1.	TP Thanh Hóa	Mầm non Họa My	
47.		2.	TP Thanh Hóa	Mầm non Ngôi Nhà Hạnh Phúc	
48.		3.	TP Thanh Hóa	Mầm non Đông Cương	
49.		4.	TP Thanh Hóa	Mầm non Hàm Rồng	
50.		5.	Hậu Lộc	Mầm non Đại Lộc	
51.		6.	Hậu Lộc	Mầm non Liên Lộc	
52.		7.	Hậu Lộc	Mầm non Thuận Lộc	
53.		8.	Hậu Lộc	Mầm non Ngư Lộc 2	
54.		9.	Hậu Lộc	Mầm non Hải Lộc	
55.		10.	Hậu Lộc	Mầm non Xuân Lộc	
56.		11.	Như Thanh	Mầm non Hải Long	
57.		12.	Hoảng Hoá	Mầm non Hoảng Cát	
58.		13.	Hoảng Hoá	Mầm non Hoảng Xuyên 2	
59.		14.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Quý	
60.		15.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Kim	
61.		16.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Trung	
62.		17.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Trinh	
63.		18.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Đạo	
64.		19.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Thắng	
65.		20.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Phụ	
66.		21.	Hoảng Hoá	Tiểu học Hoảng Xuyên 2	
67.		22.	Thọ Xuân	Tiểu học Xuân Minh	
68.		23.	Thọ Xuân	Tiểu học Thọ Xương	
69.		24.	Như Thanh	Tiểu học Mậu Lâm 2	
70.		25.	Thọ Xuân	Tiểu học Xuân Hồng	
71.		26.	Hoảng Hoá	Tiểu học Lê Mạnh Trinh	
72.		27.	Như Thanh	Tiểu học Xuân Khang 1	
73.		28.	Như Thanh	Tiểu học Xuân Khang 2	
74.		29.	Như Thanh	THCS Xuân Du	
75.		30.	Như Thanh	THCS Thị trấn Bên Sung	
76.	Tháng 6	1.	Nghi Sơn	Mầm non Hải An	
77.		2.	Nghi Sơn	Mầm non Hải Thượng	
78.		3.	Nông Công	Mầm non Hoa Hồng	
79.		4.	Nông Công	Mầm non Trường Giang	
80.		5.	Thiệu Hoá	Mầm non Thiệu Ngọc	
81.		6.	Thiệu Hoá	Mầm non Thiệu Trung	
82.		7.	Thiệu Hoá	Mầm non Thiệu Viên	
83.		8.	Yên Định	Mầm non Định Tường	
84.		9.	Yên Định	Mầm non Yên Thịnh	
85.		10.	Yên Định	Mầm non Yên Hùng	
86.		11.	Yên Định	Mầm non Yên Ninh	

87.	Tháng 6	12.	Câm Thủy	Mầm non Câm Bình		
88.		13.	Câm Thủy	Mầm non Câm Thành		
89.		14.	Câm Thủy	Mầm non Câm Vân		
90.		15.	Quan Hoá	Mầm non Phú Lệ		
91.		16.	Quan Hoá	Mầm non Phú Nghiêm		
92.		17.	Nông Công	Tiểu học Minh Khôi		
93.		18.	Nông Công	Tiểu học Tân Thọ		
94.		19.	Nông Công	Tiểu học Trường Minh		
95.		20.	Nông Công	Tiểu học Tượng Sơn		
96.		21.	Nông Công	Tiểu học Trung Chính		
97.		22.	Nông Công	Tiểu học Trung Thành		
98.		23.	Thiệu Hoá	Tiểu học Thiệu Phú		
99.		24.	Thiệu Hoá	Tiểu học Thiệu Nguyên		
100.		25.	Thiệu Hoá	Tiểu học Thiệu Giang		
101.		26.	Quan Hoá	Tiểu học Hiền Chung		
102.		27.	TP Thanh Hóa	THCS Điện Biên		
103.		28.	TP Thanh Hóa	THCS Nguyễn Văn Trỗi		
104.		29.	TP Thanh Hóa	THCS Thiệu Khánh		
105.		30.	TP Thanh Hóa	THCS Quảng Phú		
106.		31.	Nghị Sơn	THCS Phú Lâm		
107.		32.	Nghị Sơn	THCS Nghi Sơn		
108.		33.	Nông Công	THCS Vạn Thắng		
109.		34.	Nông Công	THCS Tê Thắng		
110.		35.	Nông Công	THCS Tượng Văn		
111.		36.	Thiệu Hoá	THCS Thiệu Giang		
112.		37.	Thiệu Hoá	TH&THCS Thiệu Thịnh		
113.		38.	Yên Định	THCS Yên Hùng		
114.		39.	Yên Định	THCS Định Tăng		
115.		Tháng 7	1.	Triệu Sơn	Mầm non Thọ Dân	
116.			2.	Triệu Sơn	Mầm non Hợp Thành	
117.			3.	Triệu Sơn	Mầm non Xuân Thịnh	
118.			4.	Triệu Sơn	Mầm non Minh Sơn	
119.			5.	Triệu Sơn	Mầm non Thọ Tân	
120.			6.	Triệu Sơn	Tiểu học Thọ Cường	
121.			7.	Triệu Sơn	Tiểu học Đông Tiến	
122.			8.	Triệu Sơn	Tiểu học Hợp Thắng	
123.			9.	Triệu Sơn	Tiểu học Dân Lực	
124.			10.	Triệu Sơn	Tiểu học Thọ Tiến	
125.			11.	TP Thanh Hóa	THCS Hàm Rồng	
126.	12.		TP Thanh Hóa	THCS Quảng Thành		
127.	13.		TP Thanh Hóa	THCS Tào Xuyên		
128.	Tháng 8	1.	Quảng Xương	Mầm non Quảng Yên		
129.		2.	Quảng Xương	Mầm non Quảng Nham		
130.		3.	Triệu Sơn	Mầm non Thọ Phú		
131.		4.	Triệu Sơn	Mầm non Vân Sơn		
132.		5.	Triệu Sơn	Mầm non Đông Thắng		
133.		6.	Triệu Sơn	Mầm non Họa Mi		

134.	Tháng 8	7.	Triệu Sơn	Mầm non Thọ Sơn		
135.		8.	Vĩnh Lộc	Mầm non Vĩnh Quang		
136.		9.	Vĩnh Lộc	Mầm non Vĩnh Hoà		
137.		10.	Vĩnh Lộc	Mầm non Vĩnh Tân		
138.		11.	Vĩnh Lộc	Mầm non Vĩnh Thịnh		
139.		12.	Bá Thước	Mầm non Lũng Cao		
140.		13.	Như Xuân	Mầm non Xuân Hòa		
141.		14.	Hoàng Hoá	Mầm non Hoàng Sơn 1		
142.		15.	Hoàng Hoá	Mầm non Hoàng Đức 2		
143.		16.	Hoàng Hoá	Mầm non TT Bút Sơn 3		
144.		17.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Đông Hương		
145.		18.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Hoàng Quang		
146.		19.	TP Thanh Hóa	Tiểu học Thiệu Khánh		
147.		20.	Triệu Sơn	Tiểu học Thọ Tân		
148.		21.	Triệu Sơn	Tiểu học Đông Lợi		
149.		22.	Triệu Sơn	Tiểu học Thị trấn Nưa		
150.		23.	Triệu Sơn	Tiểu học Hợp Lý		
151.		24.	Bá Thước	Tiểu học Ai Thượng		
152.		25.	Bá Thước	Tiểu học Văn Nho		
153.		26.	Bá Thước	Tiểu học Điền Trung		
154.		27.	Như Xuân	Tiểu học Thanh Phong		
155.		28.	Triệu Sơn	Tiểu học Đông Thắng		
156.		29.	Hậu Lộc	THCS Hải Lộc		
157.		30.	Hậu Lộc	THCS Ngư Lộc		
158.		31.	Hậu Lộc	THCS Minh Lộc		
159.		32.	Hoàng Hoá	TH&THCS Hoàng Đức 1		
160.		33.	Hoàng Hoá	THCS Hoàng Xuân		
161.		34.	Hoàng Hoá	THCS Hoàng Trinh		
162.		35.	Hoàng Hoá	THCS Hoàng Phong		
163.		36.	Hoàng Hoá	THCS Nhữ Bá Sỹ		
164.		37.	Triệu Sơn	THCS Tiên Nông		
165.		38.	Triệu Sơn	THCS Hợp Thắng		
166.		39.	Triệu Sơn	THCS Đông Thắng		
167.		40.	Triệu Sơn	THCS Hợp Lý		
168.		41.	Triệu Sơn	THCS Thọ Sơn		
169.		42.	Triệu Sơn	TH&THCS Thọ Phú		
170.		43.	Bá Thước	TH&THCS Thành Sơn		
171.		44.	Như Xuân	THCS Hóa Quý		
172.		45.	Thường Xuân	THPT Cẩm Bá Thước		
173.		Tháng 9	1.	Thiệu Hoá	Mầm non Thiệu Long	
174.			2.	Thiệu Hoá	Mầm non Thiệu Giang	
175.			3.	Thiệu Hoá	Mầm non Thiệu Tân	
176.			4.	Thọ Xuân	Mầm non Xuân Phong	
177.			5.	Thọ Xuân	Mầm non Xuân Tín	
178.			6.	Thọ Xuân	Mầm non Thọ Lộc	
179.	7.		Thọ Xuân	Mầm non Vườn Hồng		
180.	8.		Bá Thước	Mầm non Thành Sơn		

181.	Tháng 9	9.	Bá Thước	Mầm non Điền Trung		
182.		10.	Mường Lát	Mầm non Mường Chanh		
183.		11.	Vĩnh Lộc	Tiểu học Vĩnh Yên		
184.		12.	Vĩnh Lộc	Tiểu học Thị Trấn		
185.		13.	Vĩnh Lộc	Tiểu học Vĩnh Ninh		
186.		14.	Vĩnh Lộc	Tiểu học Vĩnh Hùng		
187.		15.	Bá Thước	Tiểu học Điền Hạ		
188.		16.	Bá Thước	Tiểu học Lương Ngoại		
189.		17.	Mường Lát	Tiểu học Quang Chiêu 1		
190.		18.		TH&THCS Nguyễn Xuân Nguyễn		
191.		19.	Bá Thước	THCS Thiết Kế		
192.		20.	Bá Thước	THCS Điền Hạ		
193.		21.	Bá Thước	THCS Điền Lư		
194.		Tháng 10	1.	TP Thanh Hóa	Mầm non Kizcity	
195.			2.	TP Thanh Hóa	Mầm non Vinschool Star City	
196.			3.	TP Thanh Hóa	Mầm non Phú Sơn	
197.			4.	TP Thanh Hóa	Mầm non Đông Khê	
198.			5.	TP Thanh Hóa	Mầm non Đông Thịnh	
199.			6.	TP Thanh Hóa	Mầm non Đông Văn	
200.			7.	TP Thanh Hóa	Mầm non Đông Thanh	
201.			8.	TP Thanh Hóa	Mầm non 27/2	
202.	9.		Thạch Thành	Mầm non Thành Minh		
203.	10.		Thạch Thành	Mầm non Thành Minh 2		
204.	11.		Thạch Thành	Mầm non Thành Hưng		
205.	12.		Bá Thước	Mầm non Lũng Niêm		
206.	13.		Thạch Thành	Mầm non Thạch Lâm		
207.	14.		Thạch Thành	Mầm non Thạch Đồng		
208.	15.		Triệu Sơn	Mầm non Thọ Ngọc		
209.	16.		TP Thanh Hóa	Tiểu học Đông Vệ 2		
210.	17.		TP Thanh Hóa	Tiểu học Đông Vệ 1		
211.	18.		TP Thanh Hóa	Tiểu học Tào Xuyên		
212.	19.		TP Thanh Hóa	Tiểu học Đông Ninh		
213.	20.		Hà Trung	Tiểu học Hà Tân		
214.	21.		Hà Trung	Tiểu học Hà Lâm		
215.	22.		Hà Trung	Tiểu học Hà Ninh		
216.	23.		Hà Trung	Tiểu học Thị Trấn		
217.	24.		Yên Định	Tiểu học Yên Thọ		
218.	25.		Yên Định	Tiểu học Định Thành		
219.	26.		Yên Định	Tiểu học Yên Trung		
220.	27.		Thạch Thành	Tiểu học Thạch Tượng 1		
221.	28.		Thạch Thành	Tiểu học Thành Minh 1		
222.	29.		Thạch Thành	Tiểu học Thành Thọ		
223.	30.		Bá Thước	Tiểu học Điền Quang		
224.	31.		TP Thanh Hóa	TH&THCS Đông Nam		
225.	32.		TP Thanh Hóa	TH&THCS Đông Thanh		
226.	33.		TP Thanh Hóa	THCS Đông Quang		

227.	Tháng 10	34.	TP Sầm Sơn	THCS Trường Sơn		
228.		35.	TP Sầm Sơn	THCS Bắc Sơn		
229.		36.	TP Sầm Sơn	THCS Quảng Đại		
230.		37.	TP Sầm Sơn	THCS Quảng Minh		
231.		38.	Hà Trung	THCS Phú Hải Toại		
232.		39.	Hà Trung	THCS Hà Bắc		
233.		40.	Hà Trung	THCS Thị trấn		
234.		41.	Vĩnh Lộc	THCS Vĩnh Hoà		
235.		42.	Vĩnh Lộc	THCS Nguyễn Đan Quế, Vĩnh Hùng		
236.		43.	Thọ Xuân	THCS Xuân Lai		
237.		44.	Thọ Xuân	THCS Tây Hồ		
238.		45.	Thọ Xuân	THCS Thuận Minh		
239.		46.	Thọ Xuân	THCS Xuân Phú		
240.		47.	Thọ Xuân	THCS TT Lam Sơn		
241.		48.	Thọ Xuân	THCS Lê Thánh Tông		
242.		49.	Thạch Thành	THCS Thành Vân		
243.		50.	Thạch Thành	THCS Thạch Tượng		
244.		51.	Thạch Thành	THCS Thành Yên		
245.		52.	Thường Xuân	THCS Xuân Dương		
246.		53.	Thường Xuân	PTDTNT THCS Thường Xuân		
247.		54.	Thường Xuân	THCS Bát Mọt		
248.		55.	Thường Xuân	THCS Xuân Lệ		
249.		56.	Thường Xuân	THCS Xuân Thắng		
250.		57.	Bá Thước	THCS Thành Lâm		
251.		58.	Bá Thước	THCS Lương Trung		
252.		59.	Quan Sơn	THCS Tam Thanh		
253.		60.	Quan Sơn	THCS Trung Tiến		
254.		61.	Quan Sơn	PTDTNT THCS huyện		
255.		62.	Như Thanh	THCS Yên Thọ		
256.		63.	Bá Thước	THPT Bá Thước		
257.		64.	TP Thanh Hóa	THPT Đông Sơn I		
258.		Tháng 11	1.	TP Thanh Hóa	Mầm non Newton TH	
259.			2.	TP Thanh Hóa	Mầm non Đông Lĩnh	
260.			3.	Hà Trung	Mầm non Hà Bắc	
261.			4.	Hà Trung	Mầm non Hà Yên	
262.			5.	Nga Sơn	Mầm non Nga Thành	
263.			6.	Hoằng Hoá	Mầm non Hoằng Hải	
264.			7.	Hoằng Hoá	Mầm non Hoằng Thắng	
265.			8.	Hoằng Hoá	Mầm non Hoằng Tân	
266.			9.	Hoằng Hoá	Mầm non Hoằng Kim	
267.			10.	Nghi Sơn	Mầm non Thanh Sơn	
268.			11.	Nghi Sơn	Mầm non Hải Yến	
269.			12.	Lang Chánh	Mầm non Tam Văn	
270.			13.	Ngọc Lặc	Mầm non Nguyệt Ân	
271.			14.	Nga Sơn	Mầm non Nga Phú	
272.			15.	Nga Sơn	Mầm non Nga Thành	
273.			16.	Nga Sơn	Mầm non Nga Giáp	

274.	Tháng 11	17.	Bim Sơn	Tiểu học Lam Sơn 3	
275.		18.	Nga Sơn	Tiểu học Nga Thành	
276.		19.	Nga Sơn	Tiểu học Nga Trung	
277.		20.	Hoàng Hoá	Tiểu học Hoàng Cát	
278.		21.	Hoàng Hoá	Tiểu học TT Bút Sơn 1	
279.		22.	Hoàng Hoá	Tiểu học Hoàng Phong	
280.		23.	Hoàng Hoá	Tiểu học Hoằng Đông	
281.		24.	Hoàng Hoá	Tiểu học Hoằng Trường	
282.		25.	Nghi Sơn	Tiểu học Các Sơn B	
283.		26.	Nghi Sơn	Tiểu học Ngọc Lĩnh	
284.		27.	Nghi Sơn	Tiểu học Thanh Thủy	
285.		28.	Nghi Sơn	Tiểu học Tùng Lâm	
286.		29.	Nông Công	Tiểu học Trường Giang 2	
287.		30.	Nông Công	Tiểu học Công Liêm 1	
288.		31.	Thạch Thành	Tiểu học Thạch Lâm 2	
289.		32.	Thạch Thành	Tiểu học Thạch Tượng 2	
290.		33.	Thạch Thành	Tiểu học Thành Tiến	
291.		34.	Thạch Thành	Tiểu học Thành Hưng	
292.		35.	Thường Xuân	Tiểu học Thọ Thanh	
293.		36.	Thường Xuân	Tiểu học Yên Nhân 1	
294.		37.	Thường Xuân	Tiểu học Lương Sơn 2	
295.		38.	Thường Xuân	Tiểu học Tân Thành 2	
296.		39.	Ngọc Lặc	Tiểu học Tiểu học Thạch Lập 1	
297.		40.	Thạch Thành	Tiểu học Thành Tân	
298.		41.	Nga Sơn	Tiểu học Nga Giáp	
299.		42.	Nga Sơn	Tiểu học Nga Phương 1	
300.		43.	Như Xuân	Tiểu học Thanh Quân	
301.		44.	Nông Công	Tiểu học Số 2 thị trấn	
302.		45.	TP Thanh Hóa	TH&THCS Newton TH	
303.		46.	TP Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hòa	
304.		47.	TP Thanh Hóa	TH&THCS Đông Hoàng	
305.		48.	TP Thanh Hóa	THCS Đông Ninh	
306.		49.	TP Thanh Hóa	THCS Đông Văn	
307.		50.	TP Thanh Hóa	THCS Long Anh	
308.		51.	Hà Trung	THCS Hà Châu	
309.		52.	Hà Trung	THCS Hà Tiên	
310.		53.	Hà Trung	THCS Hà Thái	
311.		54.	Hà Trung	THCS Lý Thường Kiệt	
312.		55.	Nga Sơn	THCS Nga Thành	
313.		56.	Nga Sơn	THCS Nga Thủy	
314.		57.	Quảng Xương	Trường THCS Quảng Nhân	
315.		58.	Hoàng Hoá	THCS Hoằng Kim	
316.		59.	Hoàng Hoá	TH&THCS Hoằng Đức 2	
317.		60.	Hoàng Hoá	THCS Hoằng Đạo	
318.		61.	Hoàng Hoá	THCS Hoằng Thịnh	
319.		62.	Hoàng Hoá	THCS Hoằng Hải	
320.		63.	Hoàng Hoá	THCS Hoằng Trường	

321.	Tháng 11	64.	Hoàng Hoá	THCS Hoàng Thắng		
322.		65.	Nghị Sơn	THCS Bình Minh		
323.		66.	Nghị Sơn	THCS Xuân Lâm		
324.		67.	Nghị Sơn	THCS Ngọc Lĩnh		
325.		68.	Nghị Sơn	THCS Hải An		
326.		69.	Nghị Sơn	TH&THCS Định Hải		
327.		70.	Nghị Sơn	TH&THCS Hải Yến		
328.		71.	Nghị Sơn	TH&THCS Triều Dương		
329.		72.	Thiệu Hoá	THCS Thị trấn Vạn Hà		
330.		73.	Yên Định	THCS Định Tường		
331.		74.	Yên Định	THCS Yên Tâm		
332.		75.	Yên Định	THCS Hà Tông Huân		
333.		76.	Yên Định	THCS Lê Đình Kiên		
334.		77.	Yên Định	TH&THCS Yên Ninh		
335.		78.	Lang Chánh	THCS Giao Thiện		
336.		79.	Ngọc Lặc	TH&THCS Lộc Thịnh		
337.		80.	Mường Lát	THCS Tén Tán		
338.		81.	Mường Lát	PTDNTN THCS Mường Lát		
339.		82.	Nga Sơn	THCS Nga Phú		
340.		83.	Nga Sơn	THCS Nga Giáp		
341.		84.	Nga Sơn	THCS Nga Trường		
342.		85.	Nga Sơn	THCS Nga Phương 1		
343.		86.	Nga Sơn	THCS Ba Đình		
344.		87.	Nga Sơn	THCS Nga Bạch		
345.		88.	Như Xuân	THCS Thanh Lâm		
346.		89.	Như Xuân	TH&THCS Thanh Hòa		
347.		90.	Ngọc Lặc	THCS Minh Tiên		
348.		91.	Nghị Sơn	THPT Tĩnh Gia 3		
349.		92.	Nghị Sơn	THPT Tĩnh Gia 2		
350.		93.	Thiệu Hoá	THPT Thiệu Hóa		
351.		94.	Yên Định	THCS&THPT Thống Nhất		
352.		95.	Quan Hoá	THPT Quan Hóa		
353.		96.	TP Thanh Hóa	TH,THCS&THPT Fansipan		
354.		Tháng 12	1.	TP Thanh Hóa	Mâm non 25-6	
355.			2.	TP Thanh Hóa	Mâm non Đông Yên	
356.	3.		Nông Công	Mâm non Thăng Bình		
357.	4.		Yên Định	Mâm non Định Tiên		
358.	5.		Yên Định	Mâm non Yên Tâm		
359.	6.		Yên Định	Mâm non Định Hoà		
360.	7.		Cẩm Thủy	Mâm non Cẩm Giang		
361.	8.		Cẩm Thủy	Mâm non Cẩm Lương		
362.	9.		Cẩm Thủy	Mâm non Cẩm Tân		
363.	10.		Thường Xuân	Mâm non Luận Khê		
364.	11.		Thường Xuân	Mâm non Lương Sơn		
365.	12.		Thường Xuân	Mâm non Xuân Lộc		
366.	13.		Thường Xuân	Mâm non Xuân Thắng		
367.	14.		Thường Xuân	Mâm non Tân Thành		

368.	Tháng 12	15.	Quan Hoá	Mầm non Nam Tiên	
369.		16.	Quan Sơn	Mầm non Sơn Điện 1	
370.		17.	Quan Sơn	Mầm non Sơn Lư	
371.		18.	Quan Sơn	Mầm non Sơn Thủy	
372.		19.	Như Thanh	Mầm non Xuân Khang	
373.		20.	Như Thanh	Mầm non Xuân Phúc	
374.		21.	Như Thanh	Mầm non Thanh Kỳ	
375.		22.	Như Thanh	Mầm non Phú Nhuận	
376.		23.	Hậu Lộc	Tiểu học Tiên Lộc	
377.		24.	Hậu Lộc	Tiểu học Cầu Lộc	
378.		25.	Hậu Lộc	Tiểu học Triệu Lộc	
379.		26.	Quan Hoá	Tiểu học Thiên Phủ	
380.		27.	Quan Hoá	Tiểu học Phú Nghiêm	
381.		28.	Quan Hoá	Tiểu học Hồi Xuân	
382.		29.	Như Thanh	Tiểu học thị trấn Bến Sung	
383.		30.	Hoảng Hoá	THCS Hoảng Trung	
384.		31.	Hoảng Hoá	TH&THCS Hoảng Sơn 2	
385.		32.	Hoảng Hoá	TH&THCS Hoảng Hà	
386.		33.	Nông Công	THCS Trường Sơn	
387.		34.	Nông Công	THCS Tượng Lĩnh	
388.		35.	Thạch Thành	THCS Thạch Quảng	
389.		36.	Thạch Thành	THCS Thạch Định	
390.		37.	Quan Hoá	THCS Thị Trấn	
391.		38.	Quan Hoá	THCS Nam Động	
392.		39.	Thạch Thành	THCS Thành Thọ	
393.		40.	Thạch Thành	THCS Phạm Văn Hinh	
394.		41.	Hoảng Hoá	THPT Hoảng Hoá 2	
395.		42.	Nghi Sơn	THPT Tĩnh Gia 1	
396.		43.	Nông Công	THPT Nông Công 2	
397.		44.	Lạng Chánh	THPT Lạng Chánh	
398.		45.	Thường Xuân	THPT Thường Xuân 2	
399.		46.	TP Thanh Hóa	THPT Đông Sơn 2	

(Danh sách này có 399 trường).